| **BỘ TÀI CHÍNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| --- | --- |
| Số: /TTr-BTC | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |



**TỜ TRÌNH**

**CHÍNH SÁCH CỦA LUẬT ĐẦU TƯ (THAY THẾ)**



Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ chính sách của Luật Đầu tư (thay thế) như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 – 2030: “*Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường..., tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước*”.

- Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đề ra nhiệm vụ: “*Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN; khẩn trương rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật không còn phù hợp, trùng chéo, hoặc chưa đầy đủ, nhất là về đầu tư, kinh doanh, đất đai, quy hoạch, ngân sách, tài sản công, thuế… theo hướng vướng mắc ở cấp nào thì cấp đó chủ động tích cực sửa đổi, hoàn thiện;*”.

- Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đã xác định mục tiêu hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, tạo lập khung khổ pháp lý để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2025 trong đó lưu ý: “*Chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh quốc tế; lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm; tăng cường giám sát, kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước; thúc đẩy đổi mới sáng tạo*”.

- Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 đã xác định mục tiêu hoàn thiện thể chế, chính sách hợp tác đầu tư nước ngoài có tính cạnh tranh cao, hội nhập quốc tế; đáp ứng yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, bảo vệ môi trường, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế…

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã chỉ đạo: “*Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp; triệt để cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề, thủ tục hành chính bất hợp lý; thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ổn định. ... Tạo cơ sở pháp lý để khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận hiệu quả các nguồn lực về vốn, đất đai, nhân lực chất lượng cao...”; “Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” và việc cơ cấu lại không gian phát triển mới ở từng địa bàn.”.*

Đồng thời, Nghị quyết đã đề ra mục tiêu: *“Năm 2025, cơ bản hoàn thành việc tháo gỡ những "điểm nghẽn" do quy định pháp luật. Năm 2027, hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản pháp luật bảo đảm cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy nhà nước theo mô hình chính quyền 3 cấp. Năm 2028, hoàn thiện hệ thống pháp luật về đầu tư, kinh doanh, góp phần đưa môi trường đầu tư của Việt Nam nằm trong nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN.”*

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đã thể hiện quan điểm: “*Tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi, chi phí thấp, đạt chuẩn quốc tế, bảo đảm khả năng cạnh tranh khu vực, toàn cầu. Kịp thời xây dựng, hoàn thiện pháp luật và cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển trong những lĩnh vực ưu tiên, đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số...”* và đặt ra các nhiệm vụ *“đổi mới tư duy xây dựng và tổ chức thực thi pháp luật …; giảm thiểu sự can thiệp và xoá bỏ các rào cản hành chính, cơ chế "xin - cho", tư duy "không quản được thì cấm". Người dân, doanh nghiệp được tự do kinh doanh trong những ngành nghề pháp luật không cấm. Quyền kinh doanh chỉ có thể bị hạn chế vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, môi trường và sức khoẻ của cộng đồng và phải được quy định trong luật.”; “Hoàn thiện hệ thống pháp luật, xoá bỏ các rào cản tiếp cận thị trường đảm bảo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp*.”.

- Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/1/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật đã nêu rõ: “*Bên cạnh một số bộ luật, luật quy định về quyền con người, quyền công dân, tố tụng tư pháp cần cụ thể, về cơ bản các luật khác, nhất là luật điều chỉnh các nội dung về kiến tạo phát triển chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn. Bảo đảm tính kịp thời của việc ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội*”; “*Phân định rõ thẩm quyền lập pháp và thẩm quyền lập quy, luật chỉ quy định những vấn đề thuộc thẩm quyền Quốc hội, không luật hóa các nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của văn bản dưới luật; cơ bản không quy định thủ tục hành chính, trình tự, hồ sơ trong luật mà giao Chính phủ, các bộ quy định theo thẩm quyền nhưng không được đặt thêm thủ tục hành chính, phát sinh thêm giấy phép con so với hiện hành”.*

- Tại điểm 2 Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/2/2025 về bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên đã nêu: *“Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng “vừa quản lý chặt chẽ, vừa kiến tạo phát triển”, từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”; đề cao phương pháp “quản lý theo kết quả”, chuyển mạnh từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát”;* *“Tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư, sản xuất kinh doanh, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, thúc đẩy chuyển đổi số, trong đó, tập trung rà soát, sớm sửa đổi*[*Luật Doanh nghiệp*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-Doanh-nghiep-so-59-2020-QH14-427301.aspx)*,*[*Luật Đầu tư*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-Dau-tu-so-61-2020-QH14-321051.aspx)*…”*

- Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026. Trong đó, mục tiêu năm 2025 là *“Cắt giảm, đơn giản hoá ngay thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh bảo đảm bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết; giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết của các thủ tục hành chính, 30% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính; 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch, hiệu quả, bảo đảm minh bạch, giảm tối đa giấy tờ…”.*

- Tại Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/2/2025, Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/2/2025 đã yêu cầu phải rà soát, hoàn thiện thể chế pháp luật.

Tại các văn bản chỉ đạo nêu trên đều khẳng định giải pháp về đẩy mạnh, hoàn thiện thể chế pháp luật là một trong những giải pháp chủ chốt, được coi là “*đột phá của đột phá*”, không chỉ là động lực, công cụ quan trọng để phát triển nhanh và bền vững của đất nước mà còn để củng cố lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý xã hội của Nhà nước trong *“kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*”.

**2. Cơ sở thực tiễn**

Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được Quốc hội thông qua vào ngày 17/6/2020 đã góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả thu hút nguồn lực đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài; hoàn thiện các quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh, đồng thời cắt giảm một số ngành, nghề không cần thiết, bất hợp lý nhằm tiếp tục bảo đảm thực hiện đầy đủ, nhất quán quyền tự do kinh doanh của người dân, doanh nghiệp trong những ngành, nghề mà Luật không cấm hoặc quy định phải có điều kiện; tạo cơ sở pháp lý cho việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng ngày càng thuận lợi, minh bạch và bình đẳng giữa các nhà đầu tư, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư theo hướng tiếp tục phân quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng chính phủ cho Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh đối với một số loại dự án nhằm tăng cường phân quyền, tinh giản quy trình, thủ tục, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án này. Đồng thời, Luật đã bổ sung thủ tục đầu tư đặc biệt đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghiệp bán dẫn, công nghệ cao… tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu thực mại tự do,… theo hướng chuyển từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”. Đây là nội dung đột phá nhằm rút ngắn thời gian triển khai dự án, thể hiện cách tiếp cận mới trong xây dựng thể chế theo hướng vừa đảm bảo yêu cầu quản lý nhà nước, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

Tiếp theo đó, Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư theo hướng sửa đổi, bổ sung các chính sách để đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; tiếp tục tạo cơ chế vượt trội, đột phá, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực; tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững; nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc thu hút đầu tư vào lĩnh vực này; tiếp tục đơn giản hóa quy trình thủ tục đối với các dự án này; đồng thời, giao Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục hành chính.

Thực hiện chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế, pháp luật của Đảng và Nhà nước, Bộ tài chính đã tổng hợp các kiến nghị liên quan đến Luật Đầu tư của các Bộ, ngành, địa phương trong khuôn khổ nhiều hoạt động như:

- Ban chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật do Tổng Bí thư Tô Lâm làm Trưởng ban theo Quyết định số 288-NQ/TW của Bộ Chính trị;

- Ban chỉ đạo rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo các Nghị quyết như Nghị quyết 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội, Nghị quyết số 110/2023/QH15 của Quôcs hội và Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18/6/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô;

- Kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật do Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật tổ chức, chỉ đạo thực hiện (theo Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 12/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ)…;

- Tổ công tác đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ về rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và thúc đẩy thực hiện dự án đầu tư tại các Bộ, ngành và địa phương theo Quyết định số 1242/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

- Ban Chỉ đạo về giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc các dự án tồn đọng theo Quyết định số 751/QĐ-TTg ngày 11/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ;

- Đoàn công tác theo Quyết định số 435/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phân công Thành viên Chính phủ chủ trì đôn đốc làm việc với các địa phương về tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư công, xây dựng hạ tầng và xuất nhập khẩu trên địa bàn;

- Diễn đàn doanh nghiệp thường niên (VBF)

Trên cơ sở đó, bên cạnh những kết quả tích cực, Luật Đầu tư đã bộc lộ một số hạn chế liên quan đến quy định về quyền tự do kinh doanh của nhà đầu tư, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, trình tự, thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài…

*(Những mặt tích cực và hạn chế trong quy định của Luật Đầu tư và việc thi hành Luật được trình bày chi tiết tại Báo cáo tổng kết kèm theo Tờ trình này).*

Những hạn chế này đã làm cho môi trường đầu tư kinh doanh trở nên kém hấp dẫn đối với các nhà đầu tư, nhất là trong bối cảnh Việt Nam đang phải đối mặt vớixu hướngcạnh tranh thu hút đầu tư nước ngoài ngày càng gay gắt từ các nước trên thế giới và trong khu vực. Theo đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp, mặc dù Chính phủ đã có nhiều nỗ lực trong việc cải thiện môi trường đầu tư nói chung và cải cách thủ tục hành chính nói riêng, nhưng so với nhiều nước ASEAN thì hệ thống pháp luật và thủ tục hành chính của nước ta vẫn chưa thật sự đáp ứng kỳ vọng của nhà đầu tư. Bên cạnh đó, quá trình tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng chất lượng, hiệu quả và hội nhập sâu rộng hơn với khu vực và thế giới đã và đang đặc ra yêu cầu cấp bách phải tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách trong đó có Luật Đầu tư để thích ứng với đòi hỏi cao hơn của quá trình phát triển kinh tế- xã hội cũng như thực hiện cam kết quốc tế về tự do hóa đầu tư.

Nhằm thực hiện mục tiêu *“Năm 2025, cơ bản hoàn thành việc tháo gỡ những "điểm nghẽn" do quy định pháp luật”* tạiNghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi, chi phí thấp, đạt chuẩn quốc tế, bảo đảm khả năng cạnh tranh khu vực, toàn cầu, cần nghiên cứu sửa đổi, hoàn thiện các quy định sau:

- Quy định về Danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện tại Phụ lục 4 của Luật Đầu tư.

- Quy định về đối tướng hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư (bao gồm ngành, nghề ưu đãi đầu tư và địa bàn ưu đãi đầu tư), chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt;

- Quy định về đơn giản hóa thủ tục hành chính, bao gồm:

+ Thủ tục quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư

+ Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

+ Thủ tục thành lập tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài;

+ Phân cấp, phân quyền chấp thuận chủ trương đầu tư;

+ Thủ tục bảo đảm thực hiện dự án đầu tư;

+ Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư;

+ Thủ tục chuyển nhượng dự án đầu tư;

+ Thủ tục ngừng, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.

- Quy định đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

**II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG**

**1. Mục đích ban hành văn bản**

- Việc xây dựng, ban hành Luật này là nhằm thể chế hóa các Nghị quyết của Đảng về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế tư nhân; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về thể chế, pháp luật, khơi thông và phát huy nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội; cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục trong đầu tư, kinh doanh, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

- Hoàn thiện các quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh, đồng thời cắt giảm một số ngành, nghề không cần thiết, bất hợp lý nhằm tiếp tục bảo đảm thực hiện đầy đủ, nhất quán quyền tự do kinh doanh của người dân, doanh nghiệp trong những ngành, nghề mà Luật không cấm hoặc quy định phải có điều kiện.

- Hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý giữa các cơ quan trung ương và cơ quan địa phương trên cơ sở đảm bảo hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh, tạo hành lang pháp lý, kịp thời xử lý những vấn đề thực tiễn, tháo gỡ “điểm nghẽn” về thể chế.

**2. Quan điểm xây dựng văn bản**

- Bảo đảm thi hành đầy đủ, nhất quán những cải cách của Luật Đầu tư gắn với việc thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, hỗ trợ phát triển và cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp.

- Bảo đảm tính thống nhất, minh bạch, khả thi và hiệu quả trong việc thực hiện các quy định của Luật Đầu tư và các luật có liên quan đến đầu tư, kinh doanh, đặc biệt là các luật về đất đai, xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản, môi trường, chuyển giao công nghệ…

- Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của Luật này với hệ thống pháp luật, phù hợp với các cam kết quốc tế.

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam.

**2. Đối tượng áp dụng**

Luật này áp dụng đối với nhà đầu tư và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh.

**IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH**

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã thực hiện các công việc sau:

- Tổ chức tổng kết thực tiễn thi hành Luật Đầu tư;

- Lấy ý kiến, tham vấn chính sách Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, bộ, Ủy ban trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội TMĐT Việt Nam và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan thông qua các hình thức: Gửi văn bản lấy ý kiến (tại văn bản số … ngày … tháng … năm 2025 và…); đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Tài chính để lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định;

- Tổ chức Hội nghị tham vấn chính sách ngày … tháng .. năm 2025.

**V. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH**

Trên cơ sở thực tiễn thi hành, xác định các nội dung cần thiết cần sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư, Bộ Tài chính xác định một số chính sách lớn sau đây:

**1. Chính sách 1: Hoàn thiện, đơn giản hoá thủ tục đầu tư kinh doanh, tiếp tục tăng cường phân cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư**

**1.1. Vấn đề cần giải quyết**

**a) Về thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư**

- Trong thời gian qua, việc thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư tồn tại một số vấn đề sau:

*Thứ nhất*, có ý kiến đề xuất bãi bỏ thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư để giảm rào cản đầu tư do đây là thủ tục không rõ mục tiêu quản lý, không hiệu quả, không thể tiên liệu trước và chồng chéo, trùng lặp với nhiều quy định khác… Tuy nhiên, bên cạnh đó, cũng có nhiều ý kiến cho rằng nếu bỏ thủ tục này sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro về quản lý nhà nước, gây thiệt hại cho doanh nghiệp, làm ảnh hưởng đến môi trường đầu tư kinh doanh.

*Thứ hai,* hiện nay, trong bối cảnh các quy định của pháp luật liên quan đến đầu tư kinh doanh như đất đai, đấu thầu, quy hoạch, nhà ở, kinh doanh bất động sản, điện lực, khoa học công nghệ… được sửa đổi, bổ sung tương đối toàn diện, trình tự thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư đã phát sinh một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện như:

(i) Vướng mắc trong việc xác định trường hợp phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư (*như dự án cụm công nghiệp, dự án khai thác khoáng sản, dự án thuộc trường hợp dự án chỉ có một nhà đầu tư quan tâm sau khi đã thực hiện thủ tục xác định số lượng nhà đầu tư quan tâm theo quy định của pháp luật đấu thầu có phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư hay không*…);

(ii) Vướng mắc liên quan đến nội dung thẩm định chấp chủ trương đầu tư (*như việc* *xác định thế nào là sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch, việc thẩm định nội dung về công nghệ, nhu cầu sử dụng đất, năng lực tài chính của nhà đầu tư, nội dung liên quan đến pháp luật về nhà ở*…) dẫn đến việc thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư còn phức tạp, kéo dài;

(iii) Hiện nay pháp luật đấu thầu đã bổ sung 02 hình thức lựa chọn nhà đầu tư bao gồm chỉ định nhà đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt. Tuy nhiên, pháp luật về đầu tư chưa quy định việc lựa chọn nhà đầu tư trong các trường hợp này…

Do vậy, cần nghiên cứu hoàn thiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư để tháo gỡ các khó khăn vướng mắc nêu trên, đẩy nhanh quá trình thực hiện thủ tục này, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của pháp luật

*Thứ ba,* các Điều 30, 31, 32 Luật Đầu tư quy định thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh. Mặc dù các Luật số 03/2022/QH14, 57/2024/QH15, 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư số 67/2020/QH14 đã phân cấp về cơ bản thầm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư. Tuy nhiên, nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, có thể tiếp tục nghiên cứu phân cấp triệt để hơn các dự án thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Thủ tướng chính phủ.

- Về thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Theo quy định tại Điều 37 Luật Đầu tư, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được áp dụng đối với dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài và dự án đầu tư của tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật này. Đây là thủ tục được áp dụng chủ yếu nhằm kiểm soát hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư thông qua việc xem xét các điều kiện về tiếp cận thị trường, kiểm soát việc đầu tư vào các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch…

Trong thời gian qua, việc thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư phát sinh một số vướng mắc liên quan đến việc xác định sự phù hợp của dự án đầu tư đối với quy hoạch (hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể thế nào là sự phù hợp với quy hoạch, đặc biệt đối với các dự án của nhà đầu tư nước ngoài thuê địa điểm kinh doanh để thực hiện các dự án nhỏ trung tâm ngoại ngữ, trung tâm thể thao…), xác định việc đáp ứng điều kiện về suất đầu tư trên một diện tích đất, số lượng lao động sử dụng… Tuy nhiên, các nội dung này hiện nay đã được lược bỏ tại Luật Đầu tư và giao Chính phủ quy định chi tiết. Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung các nội dung này tại dự thảo Nghị định của Chính phủ.

**b) Về thủ tục thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài**

Điều 22 Luật Đầu tư quy định nhà đầu tư nước ngoài phải có dự án đầu tư hoặc thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước khi thành lập tổ chức kinh tế chưa tạo ra sự bình đẳng giữa nhà đầu tư trong nước với nhà đầu tư nước ngoài, làm gỉảm tính hấp dẫn đối với nhà đầu tư nước ngoài khi thực hiện đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế.

**1.2. Mục tiêu của chính sách**

Tạo bước chuyển biến mới về cải cách thủ tục hành chính trong thực hiện hoạt động đầu tư gắn liền với việc đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu qủa công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư; hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý đầu tư, góp phần tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện để các nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư với thủ tục đơn giản hơn và chi phí thấp hơn.

**1.3. Nội dung của chính sách**

- Sửa đổi, hoàn thiện, đơn giản hoá thủ tục đầu tư kinh doanh bao gồm: thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thủ tục đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài để đơn giản hoá thủ tục hành chính, tháo gỡ “điểm nghẽn”, đẩy nhanh quá trình đưa dự án vào triển khai, hoạt động.

- Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, thực hiện chủ trương “*địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm*.”

**1.4. Các giải pháp thực hiện chính sách**

**1.4.1. Phương án 1**

**a) Về thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư**

i) Về thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư

- Quy định việc thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư chỉ áp dụng đối với dự án ảnh hưởng lớn đến môi trường hoặc tiềm ẩn khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường, dự án ảnh hưởng đến quốc phòng an ninh, dự án có sử dụng tài nguyên (nguồn lực) của đất nước như đất, rừng, biển, khoáng sản…, dự án đầu tư lớn, trong các lĩnh vực quan trọng như cảng biển, sân bay…

- Đơn giản hoá việc thực hiện thủ tục này nhằm giải quyết, khắc phục những vấn đề vướng mắc, tồn tại của thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư hiện nay, thúc đẩy nhanh quá trình thực hiện thủ tục này, khơi thông nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế xã hội theo hướng:

+ Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền chấp thuân chủ trương đầu tư, thu hẹp diện dự án phải thực hiện chấp thuận chủ trương đầu tư. Theo đó:

++ Quốc hội chỉ chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án có yêu cầu áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt cần được Quốc hội quyết định. Đối với các dự án còn lại thuộc thẩm quyền CTCTĐT của Quốc hội, thực hiện phân cấp thẩm quyền cho Thủ tướng chính phủ, bao gồm: *Dự án đầu tư có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới từ 50 ha trở lên; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay và rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển từ 500 ha trở lên; rừng sản xuất từ 1.000 ha trở lên; Dự án đầu tư có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô từ 500 ha trở lên; Dự án đầu tư có yêu cầu di dân tái định cư từ 20.000 người trở lên ở miền núi, từ 50.000 người trở lên ở vùng khác*;

++ Tiếp tục phân quyền CTCTĐT của Thủ tướng Chính phủ cho UBND cấp tỉnh đối với: *Dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực trồng rừng; Dự án đầu tư có kinh doanh đặt cược, ca-si-nô (casino; Dự án điện gió ngoài khơi theo quy định của pháp luật về điện lực.*

+ Thu hẹp diện dự án phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh đối với các dự án đã được công bố để lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (*như* ***các dự án xây dựng nhà ở, khu đô thị, nhà ở xã hội, dự án thực hiện thủ tục xác định số lượng nhà đầu tư quan tâm theo quy định của pháp luật đấu thầu và pháp luật chuyên ngành như dự án chợ, xây dựng công trình cấp nước, xây dựng công trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt***…). Theo đó, UBND cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án sau:

++ Dự án đề xuất sử dụng tài nguyên (nguồn lực) như đất, rừng, biển, khoáng sản (trừ các dự án đã được công bố để lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư)***.***

++ Dự án sử dụng đất, khu vực biển tại tại đảo và xã, phường, thị trấn biên giới; xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh.

++ Dự án có quy mô lớn, quan trọng trong lĩnh vực cảng biển, sân bay, điện, khu công nghiệp,…

+ Lược bỏ, đơn giản hoá một số nội dung thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư có phạm vi rộng, trùng lặp với nội dung thẩm định ở các bước triển khai thực hiện dự án hoặc không thực sự cần thiết phải xem xét ngay ở giai đoạn chấp thuận chủ trương đầu tư như *nội dung thẩm định liên quan đến công nghệ, nhà ở tiến độ*…; xác định nội dung *đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch có liên quan trực tiếp đến đề xuất thực hiện dự án (như quy hoạch ngành, quy hoạch tỉnh…)* nhằm đơn giản hoá nội dung thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Bổ sung quy định về hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp chỉ định nhà đầu tư hoặc lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

ii) Về thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

- Quy định thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

- Tiếp tục sửa đổi, hoàn thiện các quy định về xác định sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch, xác định việc đáp ứng điều kiện về suất đầu tư trên một diện tích đất, số lượng lao động sử dụng… tại Nghị định hướng dẫn.

iii) Quản lý đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Thực hiện quản lý đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đất đai, môi trường, xây dựng, lao động, phòng cháy và chữa cháy, quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư.

**b) Về thủ tục thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài**

Cho phép nhà đầu tư nước ngoài được thành lập tổ chức kinh tế mà không yêu cầu phải có dự án đầu tư trước khi thành lập.

**1.4.2. Phương án 2**

(i) Bãi bỏ thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư tại Luật Đầu tư; thực hiện quản lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

(ii) Sửa đổi, bổ sung quy định về cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo hướng đơn giản hoá, lược bỏ một số điều kiện khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư liên quan đến quy hoạch, suất đầu tư…

(iii) Cho phép nhà đầu tư nước ngoài được thành lập tổ chức kinh tế mà không yêu cầu phải có dự án đầu tư hoặc thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

**1.4.3. Phương án 3:** giữ nguyên quy định hiện hành

**1.5. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn**

Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn **Phương án 1** với lý do như sau:

- Về việc tiếp tục duy trì thủ tục quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư

*Thứ nhất,* chấp thuận chủ trương đầu tư là cơ sở, văn bản pháp lý ghi nhận, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư trong việc thực hiện dự án đầu tư, bảo đảm việc thực hiện các cam kết của nhà nước với nhà đầu tư về ưu đãi đầu tư, các chính sách đặc biệt đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận; đồng thời quy định các yêu cầu, điều kiện để thực hiện dự án đối với nhà đầu tư.

*Thứ hai,* việc chấp thuận chủ trương đầu tư là công cụ sàng lọc các dự án nhạy cảm, có tác động, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh, môi trường, là công cụ để kiểm soát, đảm bảo an toàn và phát triển bền vững. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, nhiều quốc gia (trong đó bao gồm Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Australia, Trung Quốc….) đều duy trì cơ chế rà soát/cấp phép đối với các dự án đầu tư theo các tiêu chí nêu trên, đặc biệt là đối với các dự án đầu tư nước ngoài.

*Thứ ba,* thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư là liên quan đến quy hoạch, đất đai, môi trường, xây dựng... Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư thẩm định đồng thời các nội dung này ngay từ giai đoạn chuẩn bị thực hiện dự án nhằm cắt giảm thời gian và chi phí thực hiện so với việc thực hiện từng thủ tục độc lập về đất đai, quy hoạch, xây dựng…

Bên cạnh đó, việc thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư giúp cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư có thể xem xét tổng thể dự án đầu tư trong mối quan hệ với các pháp luật chuyên ngành để đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, tính khả thi của dự án đầu tư. Trường hợp không thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư mà chỉ thực hiện thủ tục theo pháp luật chuyên ngành, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành chỉ có thể đánh giá dự án đầu tư theo khía cạnh quản lý nhà nước của cơ quan đó mà thiếu tính tổng thể, đồng bộ, chưa thực sự đảm bảo được hiệu quả, tính khả thi của dự án.

*Thứ tư,* quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư là thủ tục đầu vào của các thủ tục hành chính để thực hiện các thủ tục tiếp theo để triển khai thực hiện dự án đầu tư như thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao khu vực biển, cấp phép xây dựng, môi trường… Việc bỏ thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư sẽ phải rà soát, sửa đổi toàn bộ hệ thống pháp luật có liên quan, khó bảo đảm ổn định môi trường đầu tư kinh doanh.

*Thứ năm,* thủ tục quyết định chủ trương đầu tư tại Luật Đầu tư tạo ra tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, tránh tình trạng “trăm hoa đua nở” về trình tự, thủ tục thực hiện dự án của các luật chuyên ngành, tạo môi trường đầu tư minh bạch, rõ ràng, dễ tiếp cận cho nhà đầu tư.

*Thứ sáu,* quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư là công cụ để thực hiện việc kiểm tra, giám sát, đánh giá đầu tư của nhà đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư.

- Việc đơn giản, lược bỏ các yêu cầu khi thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư giúp giải quyết, khắc phục những vấn đề vướng mắc, tồn tại của thủ tục này, thúc đẩy nhanh quá trình thực hiện thủ tục.

- Việc quản lý các dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành đảm bảo sự thông thoáng cho môi trường đầu tư kinh doanh, đồng thời vẫn đảm bảo được hiệu quả quản lý nhà nước đối với các dự án này.

- Việc cho phép nhà đầu tư nước ngoài được thành lập tổ chức kinh tế mà không yêu cầu phải có dự án đầu tư hoặc thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư giúp môi trường đầu tư kinh doanh trở nên thông thoáng, hấp dẫn hơn đối với nhà đầu tư nước ngoài, thúc đẩy thu hút đầu tư, đảm bào đối xử bình đằng giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài khi thực hiện thủ tục này.

**2. Chính sách 2: Hoàn thiện quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện**

**2.1. Vấn đề cần giải quyết**

Danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện được quy định tại Phụ lục 4 của Luật Đầu tư năm 2014 gồm 267 ngành nghề. Hiện nay, theo quy định tại Luật Đầu tư 2020 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15), số lượng ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện giảm còn 237 ngành, nghề, trong đó, các yêu cầu điều kiện về phù hợp với quy hoạch hoặc có phương án, kế hoạch kinh doanh cũng được cắt giảm đáng kể; các yêu cầu về vốn được bãi bỏ ở hầu hết các lĩnh vực... Nhờ đó, môi trường kinh doanh đã thuận lợi hơn, tạo điều kiện hơn cho doanh nghiệp tham gia thị trường cũng như đầu tư, sản xuất và kinh doanh trong nhiều lĩnh vực.

Tuy nhiên, việc “cắt giảm Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện” không thực chất; chủ yếu dưới hình thức gộp tên ngành nghề hoặc sử dụng tên ngành nghề có phạm vi điều chỉnh rộng để rút gọn về hình thức số lượng ngành nghề. Hiện nay, ngành nghề kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Phụ lục IV Luật Đầu tư phần lớn áp dụng cơ chế tiền kiểm (phải xin cấp giấy phép mới được kinh doanh). Trên thực tế, có những ngành nghề có thể không cần thiết phải kiểm soát theo cơ chế tiền kiểm như ngành nghề: *Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa, phục hồi phương tiện thủy nội địa, sản xuất mũ bảo hiểm do tiêu chuẩn chất lượng đã được quản lý bởi quy chuẩn kỹ thuật, không cần điều kiện đầu tư..*. Điều này sẽ hạn chế thúc đẩy tự do kinh doanh, tạo rào cản gia nhập thị trường của doanh nghiệp.

- Một số ngành nghề mới, tiềm ẩn rủi ro phức tạp về an ninh, trật tự, sức khoẻ cộng đồng lại không được quy định là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khiến hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước gặp khó khăn, chủ cơ sở kinh doanh dễ lợi dụng kẽ hở để vi phạm pháp luật *(như: Kinh doanh nền tảng chia sẻ dữ liệu cá nhân (Lý do: Đảm bảo an toàn thông tin, quyền riêng tư cá nhân); Kinh doanh công nghệ deepfake (Lý do: Ngăn chặn lạm dụng công nghệ gây rối loạn thông tin, lừa đảo)...*

- Việc quy định Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện tại Luật chưa đáp ứng được yêu cầu cần sửa đổi, bổ sung kịp thời trong một số trường hợp cấp bách, chưa tạo được quyền chủ động của Chính phủ trong việc kiểm soát các ngành, nghề này.

Do vậy, cần thiết phải sửa đổi quy định về Danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh để cải thiện hiệu quả môi trường đầu tư kinh doanh, bảo đảm quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp.

**2.2. Mục tiêu của chính sách**

Thể chế hoá quan điểm, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh quốc tế; lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm; Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026, theo đó cần triệt để cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề, thủ tục hành chính bất hợp lý; thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ổn định.

Hoàn thiện các quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh, đồng thời cắt giảm một số ngành, nghề không cần thiết, bất hợp lý nhằm tiếp tục bảo đảm thực hiện đầy đủ, nhất quán quyền tự do kinh doanh của người dân, doanh nghiệp trong những ngành, nghề mà Luật không cấm hoặc quy định phải có điều kiện.

**2.3. Nội dung của chính sách**

Sửa đổi, bổ sung Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo hướng hoàn thiện quy định về nguyên tắc xác định điều kiện đầu tư kinh doanh; tiếp tục rà soát, đề xuất bãi bỏ các ngành, nghề không cần thiết, không hợp lý, gây cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh.

**2.4. Các giải pháp thực hiện chính sách**

**2.4.1. Phương án 1**

- Luật chỉ quy định nguyên tắc xác định ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện là ngành, nghề mà việc thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong ngành, nghề đó phải đáp ứng điều kiện cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

- Giao Chính phủ quy định Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện

- Quy định nguyên tắc các Luật chuyên ngành không được quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, chỉ được quy định tại Luật Đầu tư hoặc Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư để đảm bảo thực hiện thống nhất quy định về hạn chế quyền kinh doanh của nhà đầu tư.

- Rà soát, đề xuất bãi bỏ các ngành, nghề không cần thiết, không hợp lý, gây cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh theo hướng chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, bãi bỏ các ngành, nghề và/hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh có thể quản lý bằng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật như: *Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa, phục hồi phương tiện thủy nội địa; Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển; Kinh doanh dịch vụ kế toán;…*

**2.4.2. Phương án 2**

- Giữ nguyên quy định hiện hành về nguyên tắc xác định ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và quy định Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện tại Luật Đầu tư.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo hướng đề xuất bãi bỏ các ngành, nghề không cần thiết, không đáp ứng nguyên tắc xác định điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định tại Điều 7 Luật Đầu tư.

**2.4.3. Phương án 3:** Giữ nguyên quy định hiện hành.

**2.5. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn**

Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn *Phương án 1* với lý do sau:

Quá trình triển khai quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, điều kiện đầu tư kinh doanh cho thấy:

- Việc đề xuất sửa đổi, bổ sung ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh theo đúng yêu cầu về hình thức, nội dung quy định tại Điều 8 Luật Đầu tư; Điều 13 Luật Nghị định số 31/2021/NĐ-CP chưa được thực hiện triệt để, một số ngành, nghề và điều kiện đầu tư kinh doanh được đề xuất nhưng chưa có sự giải trình đầy đủ, rõ ràng về sự cần thiết và tính hợp lý theo các tiêu chí quy định tại các văn bản nêu trên.

Trên thực tế, tiêu chí về quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng trong một số trường hợp đã bị lạm dụng. Cơ quan soạn thảo chỉ đơn thuần viện dẫn những lý do trên để thuyết minh sự cần thiết phải quy định điều kiện đầu tư kinh doanh mà không phân tích đầy đủ về quy mô, mức độ rủi ro, đánh giá, so sánh các giải pháp khác nhau làm cơ sở để chứng minh sự cần thiết phải áp dụng điều kiện đó, dẫn đến không ít ngành, nghề chưa thật sự đáp ứng tiêu chí quy định tại Luật Đầu tư về sự cần thiết phải quy định là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

Bên cạnh đó, tại Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025, Bộ Chính trị đã chỉ đạo về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật, trong đó yêu cầu *các quy định của luật phải mang tính ổn định, có giá trị lâu dài và về cơ bản luật chỉ quy định những vấn đề khung, có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, bộ, ngành, địa phương quy định; cơ bản không quy định thủ tục hành chính, trình tự, hồ sơ trong luật mà giao Chính phủ, các bộ quy định theo thẩm quyền.*

Do vậy, việc hoàn thiện nguyên tắc xác định điều kiện đầu tư kinh doanh theo hướng Luật chỉ quy định nguyên tắc xác định điều kiện đầu tư kinh doanh; giao Chính phủ quy định Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện là cần thiết.

**-** Hiện nay, ngành nghề kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Phụ lục IV Luật Đầu tư phần lớn áp dụng cơ chế tiền kiểm (phải xin cấp giấy phép mới được kinh doanh). Tuy nhiên, thực tế có những ngành nghề không cần thiết phải kiểm soát theo cơ chế tiền kiểm. Điều này sẽ hạn chế thúc đẩy tự do kinh doanh, tạo rào cản gia nhập thị trường của doanh nghiệp. Không ít ngành, nghề thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện chưa thật sự đáp ứng tiêu chí quy định tại Luật Đầu tư về sự cần thiết phải quy định là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (nhằm bảo đảm mục tiêu quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng).

Ngoài ra, Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Luật Đầu tư năm năm 2020 phần lớn áp dụng cơ chế tiền kiểm (phải xin cấp giấy phép mới được kinh doanh). Tuy nhiên, thực tế có những ngành nghề không cần thiết phải kiểm soát theo cơ chế tiền kiểm (như các ngành nghề có thể kiểm soát bằng quy chuẩn kỹ thuật, các ngành nghề ít rủi ro, ảnh hưởng đến lợi ích công cộng…).

Việc duy trì danh mục quá nhiều ngành, nghề có điều kiện đang tạo ra rào cản pháp lý, làm tăng chi phí tuân thủ, giảm hiệu quả môi trường đầu tư kinh doanh trong nước và năng lực cạnh tranh quốc tế. Mặt khác, một số ngành nghề mới, tiềm ẩn rủi ro phức tạp về an ninh, trật tự, sức khoẻ cộng đồng lại không được quy định là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khiến hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước gặp khó khăn, chủ cơ sở kinh doanh dễ lợi dụng kẽ hở để vi phạm pháp luật.

Tại điểm 2 Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/2/2025 về bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên đã nêu: *“Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng “vừa quản lý chặt chẽ, vừa kiến tạo phát triển”, từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”; đề cao phương pháp “quản lý theo kết quả”, chuyển mạnh từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát…”.*

Do vậy, việc sửa đổi quy định về Danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh theo hướng bãi bỏ các ngành, nghề không cần thiết, không hợp lý, chuyển hướng quản lý từ *“tiền kiểm”* sang *“hậu kiểm”,* bãi bỏ các ngành, nghề và/hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh có thể quản lý bằng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để cải thiện hiệu quả môi trường đầu tư kinh doanh, bảo đảm quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp.

Nếu lựa chọn Phương án 2 và 3 thì các vấn đề tồn tại, bấp cập tại mục I.2 Tờ trình này và tại Báo cáo tổng kết thi hành Luật Đầu tư năm 2020 *(gửi kèm)* sẽ không được giải quyết.

**3. Chính sách 3: Hoàn thiện quy định về ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt**

**3.1. Vấn đề cần giải quyết**

**a) Về ngành, nghề ưu đãi đầu tư**

- Điều 15, 16 Luật Đầu tư quy định về ngành, nghề ưu đãi đầu tư và địa bàn ưu đãi đầu tư, làm cơ sở để xác định ưu đãi đầu tư về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất khẩu, nhập khẩu, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, khấu hao nhanh, tăng mức chiết trừ, trong đó các mức ưu đãi cụ thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế, đất đai, kế toán.

Tuy nhiên, trong thời gian vừa qua, vẫn luôn có sự không thống nhất giữa đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, các pháp luật chuyên ngành thường bổ sung ngành, nghề ưu đãi cụ thể tại pháp luật chuyên ngành, dẫn đến sự thiếu thống nhất, đồng bộ về đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư giữa quy định của pháp luật đầu tư và pháp luật chuyên ngành.

- Khoản 1 Điều 16 Luật Đầu tư quy định về ngành, nghề ưu đãi đầu tư. Trên cơ sở đó, Phụ lục III Nghị định số 31/2021/NĐ-CP quy định cụ thể về ngành, nghề ưu đãi đầu tư và ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư. Tuy nhiên, ngành, nghề ưu đãi, hỗ trợ đầu tư còn quy định tương đối dàn trải, hình thức; các tiêu chí, điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư thiếu tính linh hoạt, chưa thật sự hướng mạnh vào việc thu hút các nguồn lực đầu tư nhằm cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, thúc đẩy liên kết giữa các ngành, vùng, giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

**b) Về địa bàn ưu đãi đầu tư**

Khoản 2 Điều 16 Luật Đầu tư quy định về địa bàn ưu đãi đầu tư bao gồm địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Tuy nhiên, Luật chưa quy định nguyên tắc, tiêu chí để xác định các địa bàn ưu đãi đầu tư này.

Hiện nay, địa bàn ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Phụ lục III Nghị định số 31/2021/NĐ-CP được xác định đối với đơn vị hành chính cấp Huyện của 54 địa phương trên cả nước. Thực tiễn cho thấy danh mục địa bản ưu đãi đầu tư còn một số bất cập: (*i) Một số địa bàn đã có điều kiện phát triển, không còn đặc biệt khó khăn nhưng vẫn nằm trong danh mục; (ii) Nhiều địa bàn mới phát sinh khó khăn (biến đổi khí hậu, thiên tai, thiếu kết nối hạ tầng) chưa được cập nhật; (ii) Chưa phản ánh đầy đủ các vùng trọng điểm cần ưu tiên thu hút đầu tư xanh, chuyển đổi năng lượng, phát triển công nghệ cao.*

Hơn nữa, trong bối cảnh thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương, các địa phương mới được thành lập đã có nhiều thay đổi về điều kiện phát triển kinh tế xã hội so với trước khi sắp xếp.

Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung quy định về địa bàn ưu đãi đầu tư tại Luật Đầu tư để đáp ứng được thực chất nhu cầu thu hút đầu tư theo tiêu chí địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

**c) Về ưu đãi đầu tư đặc biệt**

Điều 20 Luật Đầu tư quy định về chính sách ưu đãi đầu tư đặc biệt để thu hút các nhà đầu tư chiến lược, thực hiện các dự án đầu tư có quy mô lớn, quan trọng, bao gồm dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư.

Tuy nhiên, việc quy định điều kiện về vốn đầu tư để hưởng ưu đãi như dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư còn chưa thực sự phù hợp khi khó có dự án nào đáp ứng tiêu chí như vậy.

Trong thời gian qua, một số Luật chuyên ngành như Luật Dược, Luật Công nghiệp công nghệ số, Luật Hoá chất đã quy định hoặc đề xuất sửa đổi quy định tại Điều 20 Luật Đầu tư để bổ sung chính sách ưu đãi đầu tư đặc biệt áp dụng riêng cho các dự án thuộc lĩnh vực dược, công nghiệp công nghệ số, hoá chất với các mức vốn và tỷ lệ giải ngân phù hợp cho các ngành này.

**3.2. Mục tiêu của chính sách**

a) Mục tiêu chung

- Xây dựng quy định về ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhằm định hướng và thu hút nguồn lực đầu tư vào các lĩnh vực và khu vực có ý nghĩa chiến lược đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư có chọn lọc.

- Thu hút dự án có chất lượng cao, công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường; ưu tiên nhà đầu tư chiến lược, có tiềm lực, mang lại giá trị gia tăng cao, có khả năng lan tỏa góp phần đưa đất nước phát triển nhanh – mạnh – bền vững.

b) Về ngành, nghề ưu đãi đầu tư

- Tập trung thu hút đầu tư vào các ngành, nghề được ưu tiên phát triển trong từng thời kỳ, phù hợp xu thế phát triển của Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung, bám sát các chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, chuyển đổi năng lượng, kinh tế tuần hoàn, khoa học công nghệ, chuyển đổi số… áp dụng trên phạm vi cả nước.

- Chú trọng ưu tiên tập trung phát triển các ngành then chốt, có giá trị gia tăng cao nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế.

c) Về địa bàn ưu đãi đầu tư

Phân bố nguồn lực đầu tư hợp lý giữa các vùng nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế của các vùng còn nhiều dư địa phát triển; thu hút đầu tư vào vùng sâu, vùng xa, miền núi, địa bàn khó khăn, biên giới, hải đảo nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, từ đó thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, địa phương.

d) Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt

- Xây dựng cơ chế ưu đãi đặc biệt cho dự án lớn, có tính chất chiến lược, trọng điểm, có cam kết và tiêu chí rõ ràng nhưng vẫn bảo đảm tính minh bạch, công bằng, không lạm dụng chính sách gây ảnh hưởng đến tính cạnh tranh.

- Tạo hành lang pháp lý thông thoáng nhưng vẫn đảm bảo các điều kiện về hiệu quả, công nghệ, môi trường, cam kết chuyển giao,… giúp nâng cao chất lượng dòng vốn đầu tư, từ đó đưa chính sách ưu đãi đầu tư đặc biệt trở thành công cụ quan trọng của nhà nước để giành lợi thế chiến lược trong thu hút các “siêu dự án” trên toàn cầu.

**3.3. Nội dung của chính sách**

Sửa đổi, bổ sung quy định ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt để xây dựng nguyên tắc, tiêu chí xác định ngành, nghề, địa bàn ưu đãi đầu tư, đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư đầu tư đặc biệt.

**3.4. Các giải pháp thực hiện chính sách**

**3.4.1. Phương án 1**

Sửa đổi, bổ sung quy định về ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt theo hướng:

a) Về ngành, nghề ưu đãi đầu tư

- Quy định nguyên tắc thu hút đầu tư vào những ngành, nghề trọng tâm, trọng điểm, nằm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, gồm một số ngành, nghề thuộc lĩnh vực nhằm *phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp; bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng, các dự án quan trọng, có quy mô lớn; phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, thể dục, thể thao và văn hóa dân tộc; phát triển ngành, nghề truyền thống; sử dụng nhiều lao động, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế số*…

- Quy định nguyên tắc ngành, nghề ưu đãi đầu tư phải được quy định tại pháp luật về đầu tư (không quy định tại các Luật chuyên ngành) để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

- Giao Chính phủ quy định chi tiết Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư. Ngành, nghề ưu đãi đầu tư cần gắn với mã ngành kinh tế quốc dân để tạo thuận lợi trong quá trình xác định đối tượng ưu đãi đầu tư.

b) Về địa bàn ưu đãi đầu tư

- Quy định nguyên tắc thu hút đầu tư vào các địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; địa bàn có nhiều tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế; thu hút đầu tư các vùng trọng điểm cần ưu tiên thu hút đầu tư xanh, chuyển đổi năng lượng, phát triển công nghệ cao; thu hút đầu tư theo tiêu chí địa bàn có gắn với ngành, lĩnh vực cụ thể để phản ánh tiềm năng, thế mạnh và lợi thế thu hút đầu tư của từng địa phương trong từng ngành, lĩnh vực đó, tạo điều kiện cho việc thu hút nguồn lực đầu tư cho liên kết và phát triển vùng.

- Quy định tiêu chí để phân loại, xác định địa bàn khó khăn, địa bàn đặc biệt khó khăn (dựa trên các chỉ tiêu như GRDP, cơ sở hạ tầng, tỷ lệ hô nghèo, vị trí địa lý…); nguyên tắc áp dụng, sửa đổi, bổ sung Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư để tạo cơ sở pháp lý cho việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung Danh mục này; kiểm soát việc đáp ứng các tiêu chí địa bàn ưu đãi đầu tư để xem xét điều chỉnh, bổ sung Danh mục.

- Giao Chính phủ quy định Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư.

c) Về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt

- Quy định nguyên tắc xác định đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư đặc biệt theo hướng tập trung vào các dự án lớn, nhằm thu hút các nhà đầu tư chiến lược, gắn với quy mô vốn đầu tư và tiến độ giải ngân có tính đến đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.

- Giao Chính phủ quy định cụ thể quy mô vốn đầu tư và tiến độ giải ngân của dự án thuộc đối tượng ưu đãi đầu tư đặc biệt phù hợp với tính chất đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.

- Bổ sung quy định cho phép Chính phủ đàm phán các chính sách ưu đãi đầu tư vượt trội để thu hút nhà đầu tư chiến lược trong các trường hợp đặc biệt.

**3.4.2. Phương án 2**

Luật chỉ quy định tiêu chí xác định ngành, nghề, địa bàn thu hút đầu tư; sẽ căn cứ trên tiêu chí này để xây dựng danh mục ngành, nghề thu hút đầu tư tại pháp luật chuyên ngành; các tỉnh, thành phố rà soát và ban hành danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư tại địa phương.

**3.4.3. Phương án 3:** giữ nguyên quy định hiện hành.

**3.5. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn**

Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn **Phương án 1** với lý do như sau:

- Trong xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu, nhiều quốc gia đang điều chỉnh chính sách để hấp dẫn các nhà đầu tư chiến lược. Do vậy, việc xây dựng một khung pháp lý rõ ràng, minh bạch, ổn định sẽ góp phần quan trọng gia tăng niềm tin của nhà đầu tư, tạo lợi thế cạnh tranh cho Việt Nam trên bản đồ thu hút FDI. Chính sách ưu đãi đầu tư có thể gây ảnh hưởng đến các quyết định về địa điểm hoặc hành vi của nhà đầu tư theo cách phù hợp với các mục đích và mục tiêu chính sách của nhà nước về thu hút đầu tư.

- Phương án này nhằm thống nhất quy định pháp lý về ưu đãi đầu tư tại một văn bản quy phạm pháp luật, tạo sự đồng bộ, rõ ràng, từ đó ngăn ngừa tối đa việc ưu đãi đầu tư dàn trải, thiếu trọng tâm, cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực đầu tư.

- Hiện nay, pháp luật về đầu tư quy định Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư, đặc biệt ưu đãi đầu tư với hơn 100 ngành, nghề phân bố đồng đều trong các lĩnh vực như: Nông nghiệp, giáo dục – đào tạo, y tế, môi trường, khoa học – công nghệ, du lịch, văn hóa,… Việc sửa đổi quy định về đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư góp phần thu hẹp phạm vi ưu đãi, đồng thời mở rộng nguồn lực ưu đãi cho các ngành, nghề mũi nhọn. Việc Chính phủ ban hành danh mục này nhằm đảm bảo tính thống nhất, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan sử dụng làm căn cứ để xây dựng chính sách bảo đảm tính đồng bộ, tránh phát sinh mâu thuẫn, chồng chéo.

- Đổi mới tư duy trong xây dựng chính sách về địa bàn thu hút đầu tư. Trong đó, ưu đãi đầu tư không chỉ tập trung ưu vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, thay vào đó Bộ Tài chính sẽ xây dựng chính sách này trên cơ sở đánh giá, phân tích thực trạng thu hút đầu tư để đánh giá tiềm lực phát triển, khả năng thu hút đầu tư của mỗi vùng miền, địa phương, từ đó phân bố lại địa bàn ưu đãi đầu tư trên phạm vi cả nước.

- Việc quy định mức vốn đầu tư và tiến độ giải ngân vốn đầu tư tại Nghị định đảm bảo tính tương thích, phù hợp với tính chất đặc thù của từng ngành, lĩnh vực, đảm bảo chính sách có tính khả thi.

- Việc bổ sung thẩm quyền của Chính phủ trong việc đàm phán các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt là cần thiết nhằm tạo tính chủ động của Chính phủ, không đánh mất cơ hội thu hút đầu tư trong các trường hợp đặc biệt.

**4. Chính sách 4: Quản lý hoạt động đầu tư ra nước ngoài phù hợp với mục tiêu, nhu cầu quản lý của nhà nước và quyền tự do đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư**

**4.1. Vấn đề cần giải quyết**

Qua quá trình tổng kết, tính đến hết tháng 06 năm 2025, Việt Nam đã có 1.916 dự án đầu tư ra nước ngoài còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư Việt Nam hơn 23 tỷ USD. Trong đó, theo thống kê đa phần là dự án có quy mô vốn đầu tư dưới 20 tỷ đồng, chiếm tới **67,4%** tổng số dự án nhưng có tỷ lệ nhỏ về vốn (khoảng 1,7% tổng số vốn ĐTRNN); số dự án có vốn đầu tư trên 20 tỷ đồng là khoảng **28%** tổng số dự án nhưng chiếm phần đa về vốn (khoảng 98,3% tổng vốn ĐTRNN); số còn lại là các dự án nhỏ dưới 1,2 tỷ đồng (tương đương 50.000 USD). Những dự án này đều thuộc diện chấp thuận chủ trương của Thủ tướng Chính phủ hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài. Ngoài ra, đến nay *chưa ghi nhận* có dự án đầu tư ra nước ngoài thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội.

Hiện nay, việc doanh nghiệp tại Việt Nam đầu tư ra nước ngoài đang dần trở thành một xu hướng phổ biến nhằm chủ động hơn vào chuỗi sản xuất toàn cầu và là cách thức quan trọng để nhập khẩu công nghệ, phát triển thị trường, tìm kiếm khách hàng… đem lại nhiều lợi ích về mở rộng thị trường, tăng doanh thu, tiết giảm chi phí, tăng hiệu quả sản xuất - kinh doanh, tiếp cận công nghệ tiên tiến và trình độ quản trị hiện đại, đa dạng hóa hoạt động đầu tư, phân tán rủi ro, nâng tầm vị thế và uy tín thương hiệu Việt và tạo nền tảng vững chắc cho hợp tác quốc tế. Trong đó, các thủ tục đầu tư ra nước ngoài (gồm: thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) đã được triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất trong cả nước, đem lại nhiều mặt tích cực cho cả nhà nước và nhà đầu tư, nhất là trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập sâu rộng nhưng vẫn cần giữ ổn định tài chính vĩ mô, bảo vệ cán cân thanh toán, dự trữ ngoại hối quốc gia và ổn định tỷ giá.

Bên cạnh những mặt tích cực, các thủ tục đầu tư ra nước ngoài đã phát sinh một số bất cập trong quá trình quản lý của cơ quan nhà nước cũng như thực hiện của nhà đầu tư, cụ thể:

*Một là*, về cơ bản, nhà đầu tư sử dụng vốn tư nhân của mình để thực hiện đầu tư ra nước ngoài và tuân thủ các quy định pháp luật tại nước sở tại. Tuy nhiên, cơ quan nhà nước Việt Nam lại phê duyệt nhiều nội dung về dự án về “hình thức, quy mô, địa điểm, tiến độ thực hiện dự án đầu tư, vốn đầu tư ra nước ngoài, nguồn vốn” là chưa thật sự hợp lý, ảnh hưởng đến quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp, nhà đầu tư; chưa phân định rõ nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật Việt Nam và những nội dung thuộc thẩm quyền điều chỉnh của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư.

*Hai là*, về bản chất, mục đích cuối cùng của nhà đầu tư là được chuyển tiền ra nước ngoài (giao dịch ngoại hối) để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại nước ngoài. Bên cạnh đó, các thủ tục đầu tư ra nước ngoài này khó ràng buộc trách nhiệm của nhà đầu tư sau khi nhà đầu tư đã thực hiện xong việc chuyển tiền ra nước ngoài. Ngoài ra, việc tiếp tục duy trì cơ chế quản lý đầu tư ra nước ngoài như hiện tại không còn phù hợp vì làm cản trở, hạn chế việc nắm bắt cơ hội đầu tư ở nước ngoài của nhà đầu tư.

Thực tiễn cho thấy nhiều nước trên thế giới chỉ thực hiện chế độ kiểm soát dòng tiền chuyển ra nước ngoài để thực hiện hoạt động đầu tư và có chính sách cấm hoặc hạn chế chuyển tiền ra nước ngoài trong một số trường hợp nhất định để đảm bảo cân đối vĩ mô cũng như tính hợp pháp của nguồn tiền, mà không quản lý toàn bộ hoạt động đầu tư ở nước ngoài bởi những hoạt động này được thực hiện tại nước tiếp nhận đầu tư và phải tuân thủ pháp luật của nước đó.

Hiện nay chỉ còn Việt Nam, Lào còn cấp GCNĐK ĐTRNN; Trung Quốc có cấp GCNĐK ĐTRNN nhưng nới lỏng, chỉ quản lý các dự án lớn và một số lĩnh vực. Các quốc gia khác đã chuyển sang cơ chế nhà đầu tư kê khai, đăng ký vốn đầu tư chuyển ra nước ngoài với hệ thống ngân hàng khi thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh ở nước ngoài.

Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng việc bãi bỏ ngay các thủ tục đầu tư ra nước ngoài thì thiếu cơ chế kiểm soát chặt chẽ đối với hoạt động này.

Do đó, việc cân nhắc sửa đổi quy định về đầu tư ra nước ngoài tại Luật Đầu tư và đồng thời có hướng quản lý thay thế là cần thiết nhằm quản lý hoạt động đầu tư ra nước ngoài đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nhu cầu quản lý của nhà nước và quyền tự do đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư.

**4.2. Mục tiêu của chính sách**

- Nhằm thể chế hoá chỉ đạo của Đảng tại Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân: *“Tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi, chi phí thấp, đạt chuẩn quốc tế, bảo đảm khả năng cạnh tranh khu vực, toàn cầu. Kịp thời xây dựng, hoàn thiện pháp luật và cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển trong những lĩnh vực ưu tiên, đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số...”* và chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026, theo đó cần triệt để *cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề, thủ tục hành chính bất hợp lý; thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ổn định.*

- Hoàn thiện các quy định về đầu tư ra nước ngoài nhằm quản lý phù hợp với mục tiêu, nhu cầu quản lý của nhà nước; đảm bảo quyền tự do đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư; cắt giảm, đơn giản hoá, tăng cường phân cấp, phân quyền thực hiện các thủ tục đầu tư ra nước ngoài.

**4.3. Nội dung của chính sách**

Sửa đổi quy định tại Chương V Luật Đầu tư (từ Điều 51 đến Điều 68) theo hướng bãi bỏ thủ tục đầu tư không cần thiết; tăng cường phân cấp, phân quyền cho địa phương thực hiện và quản lý.

**4.4. Các giải pháp thực hiện chính sách**

**4.4.1. Phương án 1: Bãi bỏ thủ tục đầu tư ra nước ngoài, chuyển sang phương thức quản lý ngoại hối**

- Bãi bỏ thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài thuộc thẩm quyền của Quốc hội và của Thủ tướng Chính phủ;

- Bãi bỏ thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính.

- Nhà đầu tư đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chuyển tiền ra nước ngoài.

**4.4.2. Phương án 2: Đơn giản hoá thủ tục đầu tư ra nước ngoài**

- Bãi bỏ thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài (thẩm quyền của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ);

- Thu hẹp diện dự án phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo hướng chỉ áp dụng đối với dự án có vốn đầu tư từ 20 tỷ đồng (~760.000 USD) trở lên, đối với các dự án có quy mô dưới 20 tỷ đồng thì chỉ cần thực hiện việc đăng ký giao dịch ngoại hối với Ngân hàng Nhà nước để chuyển tiền ra nước ngoài.

**4.4.3. Phương án 3:** Giữ nguyên quy định

**4.5. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn**

Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn **Phương án 1** với lý do như sau:

- Việc quản lý hoạt động đầu tư ra nước ngoài sẽ đúng thực chất hơn. Đặc biệt khi nhà đầu tư đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, nhà đầu tư đã có tài liệu chấp thuận đầu tư của nước ngoài (giấy phép đầu tư/giấy chứng nhận thành lập doanh nghiệp/hợp đồng góp vốn/mua cổ phần vào công ty nước ngoài…). Khi đó, hoạt động đầu tư đã “chắc chắn” hơn và “xác thực” hơn.

- Giúp cắt giảm rất nhiều thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian, chi phí cho nhà đầu tư, góp phần thúc đẩy và gia tăng sức cạnh tranh cho doanh nghiệp Việt Nam, tạo điều kiện cho nhà đầu tư tiếp cận nhanh hơn cơ hội đầu tư ở nước ngoài, góp phần mở rộng thị trường, phát triển vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất trong nước, đóng góp cho nền kinh tế đất nước nhất là trong điều kiện phát triển nhanh chóng của công nghệ như hiện nay.

- Nâng cao công tác quản lý nhà nước thông qua việc quản lý ngoại hối. Ngân hàng Nhà nước sẽ nhanh chóng thống kê và kiểm tra được tình hình thực hiện vốn đầu tư và tình hình chuyển tiền về nước thông qua hệ thống ngân hàng để có đánh giá và điều chỉnh kịp thời khi có ảnh hưởng đối với cán cân thanh toán/dự trữ ngoại hối; hệ thống ngân hàng có công cụ xử lý kịp thời đối với các trường hợp không tuân thủ quy định về chế độ báo cáo (như tạm dừng cho phép chuyển tiền, phong tỏa tài khoản vốn đầu tư trong trường hợp khẩn cấp...).

- Hiện nay, Luật Đầu tư đang quy định phạm vi quản lý của cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài khá rộng, bao quát toàn bộ hoạt động đầu tư ở nước ngoài (mục tiêu, quy mô, địa điểm, phạm vi hoạt động, tổng vốn đầu tư…). Quy định này không rõ ràng về mục tiêu quản lý nhà nước (quản lý nguồn vốn chuyển ra nước ngoài hay toàn bộ hoạt động của dự án), đồng thời cũng không khả thi bởi các hoạt động đầu tư ở nước ngoài phải tuân thủ pháp luật của nước tiếp nhận đầu tư.

- Ngân hàng Nhà nước hiện là cơ quan quản lý về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài. Do đó, việc Ngân hàng Nhà nước quản lý hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài là phù hợp để nắm bắt tổng thể nguồn vốn của Việt Nam đầu tư ra nước ngoài. Ngoài ra, việc Ngân hàng Nhà nước xác nhận các hoạt động chuyển vốn ra nước ngoài để đầu tư cũng sẽ hỗ trợ công tác phòng chống rửa tiền được thuận lợi và hiệu quả hơn.

**5. Chính sách 5: Hoàn thiện quy định về triển khai thực hiện dự án đầu tư, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh từ thực tiễn liên quan đến việc triển khai, thực hiện dự án đầu tư**

**5.1. Vấn đề cần giải quyết**

Các quy định về triển khai thực hiện dự án đầu tư như ký quỹ bảo đảm thưc hiện dự án đầu tư, xác định các trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án, chuyển nhượng dự án đầu tư (bao gồm việc xác định chuyển nhượng dự án đầu tư hay chuyển nhượng tài sản của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật dân sự), ngừng, chấm dứt hoạt động dự án đầu tư, xử lý với các dự án chuyển tiếp, đặc biệt là xử lý các dự án đã được quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại Luật Đầu tư năm 2014 hoặc cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định tại Luật Đầu tư năm 2005… còn một số nội dung thiếu tính khả thi, hợp lý và đồng bộ với các Luật có liên quan.

**5.2. Mục tiêu của chính sách:**

Đơn giản hoá thủ tục hành chính, sửa đổi, bổ sung quy định để tháo gỡ khó khăn vướng mắc, thúc đẩy việc triển khai thực hiện dự án.

**5.3. Nội dung của chính sách:**

Sửa đổi, bổ sung các nội dung về ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án, quy định việc điều chỉnh dự án đầu tư, quy định về thủ tục chuyển nhượng dự án đầu tư, quy định về chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, quy định chuyển tiếp trong việc thực hiện thủ tục ngừng, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.

**5.4. Các giải pháp thực hiện chính sách**

**5.4.1. Phương án 1**

- Về ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án:

Tiếp tục kế thừa các quy định tại Luật Đầu tư 2020, rà soát thu hẹp trường hợp thực hiện ký quỹ (như dự án có chuyển mục đích sử dụng đất); hoàn thiện các quy định về hoàn trả, điều chỉnh, chấm dứt nghĩa vụ ký quỹ tại Nghị định hướng dẫn thi hành.

- Về thủ tục chuyển nhượng dự án đầu tư

+ Xác định cụ thể thủ tục chuyển nhượng dự án đầu tư áp dụng đối với dự án đầu tư được quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư và dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật về đầu tư qua các thời kỳ để thực hiện thống nhất thay vì chỉ thực hiện thủ tục chuyển nhượng đối với dự án đầu tư mà nhà đầu tư được chấp thuận theo quy định tại Điều 29 của Luật Đầu tư và dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư như quy định hiện hành.

+ Phân định thủ tục chuyển nhượng dự án đầu tư và chuyển nhượng tài sản của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về dân sự.

- Bổ sung quy định về chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư là tổ chức kinh tế bị giải thể, phá sản.

- Lược bỏ bớt nội dung nhà đầu tư phải thực hiện thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.

- Bổ sung các quy định chuyển tiếp trong việc thực hiện thủ tục ngừng, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.

**5.4.2 Phương án 2**: Giữ nguyên quy định hiện hành

**5.5. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn**

Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn **Phương án 1** nhằm xác định rõ các thủ tục cần thực hiện của cơ quan nhà nước, nhà đầu tư, loại bỏ những thủ tục không cần thiết để tháo gỡ điểm nghẽn trong thực hiện dự án đầu tư.

**VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH**

**1. Dự kiến nguồn lực để thi hành Luật**

Các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật không làm phát sinh thủ tục hành chính mới theo đó không đặt ra các yêu cầu về việc phải bố trí nguồn nhân lực để tổ chức thực hiện. Các chính sách nêu trên khi Luật được thông qua và ban hành, các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh có trách nhiệm thực thi, không phát sinh thêm bộ máy, biên chế trong tổ chức thi hành Luật, không có tác động liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới.

Các nguồn kinh phí phát sinh để thi hành luật sẽ được cân đối từ: nnguồn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương và các nguôn fkinh phí hợp pháp khác theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

**2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành**

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Ban hành văn bản quy định chi tiết và chỉ đạo, đôn đốc thi hành: Các cơ quan có thẩm quyền ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật sửa nhiều luật.

- Tuyên truyền, phổ biến Luật: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục Luật và các quy định liên quan; Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Luật kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

+ Bộ Tài chính có chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Luật.

+ Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Luật, ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Luật sau khi được Quốc hội thông qua.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện:

Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Luật và các văn bản pháp quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật.

**VII. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH VÀ THÔNG QUA VĂN BẢN**

Thời gian trình Quốc hội thông qua dự thảo văn bản: Dự kiến vào Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XV (tháng 10/2025).

Trên đây là Tờ trình chính sách của Luật Đầu tư (thay thế), Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

| ***Nơi nhận:*** - Như trên;  - Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);  - Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc (để báo cáo);  - Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);  - Các thành viên Chính phủ;  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Tư pháp; - Lưu: VT, . | **BỘ TRƯỞNG**    **Nguyễn Văn Thắng** |
| --- | --- |